

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2022

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** - Bà **Nguyễn Thị Bé**

- Bà **Bùi Thị Là**

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Hoàng Thị Thanh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Ông **Lê H.** Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

\* ***Bị đơn:*** Bà **Lô T.** Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* ***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Lê H trình bày thì:***

Ông và bà Lô T sau thời gian quen biết, tìm hiểu được khoảng một năm thì quyết định đi đến hôn nhân, hôn nhân của ông bà là tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống tại thôn B, xã P, huyện Đ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống thì vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên nghiêm trọng đến mức không thể hòa giải được, nguyên nhân do bà T không quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái mà còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù ông và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng bà T không thay đổi và hiện nay ông

bà không còn sống chung với nhau nữa. Do đó, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lô T.

Về con chung trong thời gian chung sống ông bà có với nhau 03 người con chung là cháu Lê K, sinh ngày 05/10/2008, cháu Lê G, sinh ngày 17/02/2011 và cháu Lê T sinh ngày 03/10/2017. Hiện nay cả ba cháu đang ở với bố tại xã P, huyện Đ, cả ba cháu đều phát triển tốt, được đi học đầy đủ. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nhận nuôi ba cháu và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bà Lô T nhiều lần nhưng bà T không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.**

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông H, bà T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn. Về con chung, xét điều kiện nuôi dưỡng của ông H và muốn nhận nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con đồng thời bà H không có mặt ở địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K, cháu G, cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Lô T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

**[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà Lô T và ông Lê H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/12/2007. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T, hiện nay ông H, bà T có địa chỉ tại thôn B, xã P, huyện Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội

đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lô T và ông Lê H đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống ông H bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt đến mức không thể hàn gắn được nên ông H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T. Còn bà T không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án tại Tòa án. Theo xác minh tại địa phương thì giữa hai vợ chồng ông bà cũng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng và bà T đã không còn ở chung với ông H nữa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là phù hợp.

[4] **Về con chung:** Xét thấy hiện nay ba con chung của ông H và bà T là cháu Lê K, sinh ngày 05/10/2008, cháu Lê G, sinh ngày 17/02/2011 và cháu Lê T sinh ngày 03/10/2017 đang ở cùng với bố, các cháu phát triển tốt, ông H muốn nhận nuôi các con và để đảm bảo các cháu được sinh hoạt và học tập ổn định, phát triển tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao cháu K, G, T cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Lô T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc ông Lê H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Lê H và bà Lô T được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao con chung là các cháu Lê K, sinh ngày 05/10/2008, cháu Lê G, sinh ngày 17/02/2011 và cháu Lê T sinh ngày 03/10/2017 cho ông Lê H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu K, G, T đủ 18 tuổi, bà Lô T không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3. Về án phí:** Buộc nguyên đơn ông Lê H phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006169 ngày 26

tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông H đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

***T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM***  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Đỗ Thị Thúy Phượng**

